

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.

Chi nhánh Đà Nẵng: Tầng 2, 112 Nguyễn Hữu Thọ, phường Hòa Thuận Tây,
thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3 999 00 90

Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GIA LAI

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	08 - 09
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	12 - 30



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GIA LAI

Số 38 Trần Khánh Dư, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Gia Lai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Gia Lai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 10/03/2016 của UBND tỉnh Gia Lai từ Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Gia Lai. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900182739 ngày 18/11/1996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 15 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 19/01/2017.

Vốn điều lệ: 23.000.000.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 31/12/2017: 23.000.000.000 đồng

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 38 Trần Khánh Dư, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Điện thoại : (84) 269 387 3987
- Fax : (84) 269 382 2443

3. Ngành nghề kinh doanh

- Thu gom rác thải không độc hại;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác: *chi tiết: Vệ sinh đường phố, công trình công cộng;*
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề;
- Hoạt động dịch vụ tang lễ;
- Sản xuất sản phẩm bằng kim loại chưa được phân vào đâu: *chi tiết: Cơ khí sửa chữa ô tô;*
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng kim loại: *chi tiết: đóng cộ thùng, cửa thu nước, khung lan can;*
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: *chi tiết: lắp đặt hệ thống thoát nước;*
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: *chi tiết: Duy tu, sửa chữa, mở rộng, nâng cấp các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị (Vĩa hè, nền mặt đường, công viên, cây xanh, điện chiếu sáng công cộng, công trình giao thông, dân dụng, vệ sinh môi trường, nghĩa trang);*
- Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: *chi tiết: Mua bán dụng cụ, thiết bị vệ sinh đô thị, chế biến xử lý rác, các sản phẩm chế biến từ rác;*
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GIA LAI

Số 38 Trần Khánh Dư, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

- Lắp đặt hệ thống điện: *chi tiết: Lắp đặt, vận hành, bảo trì, sửa chữa điện chiếu sáng công cộng, điện dân dụng, điện trang trí;*
- Trồng rau, đậu và trồng hoa, cây cảnh: *chi tiết: Dịch vụ chăm sóc, cải tạo cây xanh, thảm cỏ, hoa viên, công viên, vườn trồng, cung cấp giống hoa, cây xanh, cây cảnh;*
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: *chi tiết: Dịch vụ bãi đỗ xe;*
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh: *chi tiết: Sản xuất chế phẩm xử lý rác thải;*

4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Sen	Chủ tịch	23/01/2018	
Ông Lê Văn Trà	Chủ tịch	27/06/2016	23/01/2018
Ông Nguyễn Văn Ngà	Thành viên	20/05/2017	
Ông Đặng Trường Sanh	Thành viên	27/06/2016	
Ông Nguyễn Hồng Minh	Thành viên	23/01/2018	
Bà Nguyễn Thị Mỹ Ly	Thành viên	23/01/2018	
Ông Nguyễn Văn Bằng	Thành viên	27/06/2016	23/01/2018
Ông Trương Văn Chánh	Thành viên	27/06/2016	23/01/2018

4.2. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Mỹ Ly	Trưởng ban	27/06/2016	23/01/2018
Bà Trần Thị Bảy	Thành viên	27/06/2016	
Bà Nguyễn Thị Như Phương	Thành viên	27/06/2016	

4.3. Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Ngà	Giám đốc	24/01/2018
Ông Trương Văn Chánh	Phó Giám đốc	01/07/2016
Ông Trần Minh Thành	Phó Giám đốc	01/07/2016
Ông Nguyễn Trương Cập	Phó Giám đốc	01/07/2016
Ông Nguyễn Văn Bằng	Phó Giám đốc	24/01/2018
Bà Nguyễn Thị Mỹ Ly	Phó Giám đốc	24/01/2018
Ông Võ Ngọc Ánh	Kế toán trưởng	24/01/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GIA LAI

Số 38 Trần Khánh Dư, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Ngà, chức vụ Giám đốc Công ty, tái bổ nhiệm ngày 24/01/2018.

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Gia Lai cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 30.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc niên độ cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GIA LAI

Số 38 Trần Khánh Dư, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



NGUYỄN THỊ SEN

Chủ tịch HĐQT

Pleiku, ngày 02 tháng 03 năm 2018

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**®)

Công ty Thành viên của **Reanda International**

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh: Tầng 3, 112 Nguyễn Hữu Thọ, phường Hòa Thuận Tây,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Email: info@vietvalues.com

Website: www.vietvalues.com



Số: 05/2018/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GIA LAI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Gia Lai (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 02 năm 2018, từ trang 08 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Gia Lai tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Gia Lai đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFA với ý kiến chấp nhận toàn phần.

TP. Đà Nẵng, ngày 02 tháng 03 năm 2018

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- **VIETVALUES**



Lê Thị Thanh Kim - Giám đốc Chi nhánh
Giấy CNDKHN số: 2896-2016-071-1
Chữ ký được uỷ quyền

Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số: 2849-2014-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		44.804.378.660	28.350.587.529
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	29.992.791.268	9.108.572.131
111	1. Tiền		29.992.791.268	9.108.572.131
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		12.764.013.229	16.475.166.967
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	8.316.678.608	7.878.510.573
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	46.500.000	154.740.000
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	4.400.834.621	8.441.916.394
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
139	7. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho		1.759.218.948	1.916.318.739
141	1. Hàng tồn kho	V.5	1.759.218.948	1.916.318.739
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		288.355.215	850.529.692
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.6a	288.355.215	850.529.692
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		14.021.948.042	12.695.623.318
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		12.670.611.319	11.147.275.949
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	12.670.611.319	11.147.275.949
222	- Nguyên giá		26.757.717.471	22.839.682.925
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.087.106.152)	(11.692.406.976)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	- Nguyên giá		-	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		-	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.351.336.723	1.548.347.369
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.6b	1.351.336.723	1.548.347.369
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		58.826.326.702	41.046.210.847

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		32.149.623.110	16.704.422.742
310	I. Nợ ngắn hạn		32.149.623.110	16.704.422.742
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.8	194.090.909	202.700.000
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.9	2.020.606.223	1.221.092.539
314	4. Phải trả người lao động	V.10	3.075.193.582	2.397.436.771
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.11	9.678.424.977	9.843.286.144
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.12	17.046.118.389	1.803.160.349
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	-
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.13	346.465.791	542.242.700
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.14	(211.276.761)	694.504.239
330	II. Nợ dài hạn		-	-
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	-
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		26.676.703.592	24.341.788.105
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.15	26.676.703.592	24.226.575.968
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		23.000.000.000	23.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		23.000.000.000	23.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		122.657.597	-
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.554.045.995	1.226.575.968
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		70.000	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		3.553.975.995	1.226.575.968
422	12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	115.212.137
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	115.212.137
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		58.826.326.702	41.046.210.847

Người lập biểu



BÙI THỊ HẠNH

Kế toán trưởng



VÕ NGỌC ẨMH



Pleiku, ngày 20 tháng 02 năm 2018

Giám Đốc

NGUYỄN VĂN NGÀ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1a	96.177.036.743	49.248.066.127
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.1b	87.095.455	12.675.455
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		96.089.941.288	49.235.390.672
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	86.347.313.548	45.188.947.162
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.742.627.740	4.046.443.510
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	39.364.923	61.183.093
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	5.266.727.487	2.598.822.053
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.515.265.176	1.508.804.550
31	11. Thu nhập khác	VI.5	35.153.754	29.365.410
32	12. Chi phí khác	VI.6	80.661.442	-
40	13. Lợi nhuận khác		(45.507.688)	29.365.410
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.469.757.488	1.538.169.960
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		915.781.493	311.593.992
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.553.975.995	1.226.575.968
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	1.313	453
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8	1.313	453

Người lập biểu


BÙI THỊ HẠNH

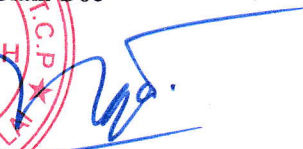
Kế toán trưởng


VÕ NGỌC ẢNH



Pleiku, ngày 20 tháng 02 năm 2018

Giám Đốc


NGUYỄN VĂN NGÀ

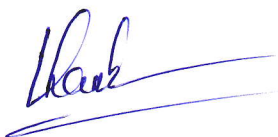
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		101.216.754.796	45.050.205.724
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(45.432.818.709)	(19.572.479.306)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(31.330.925.508)	(15.185.154.702)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	-
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(366.333.644)	(741.657.062)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		37.282.677.514	4.266.571.739
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(35.880.626.599)	(22.106.082.091)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		25.488.727.850	(8.288.595.698)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(3.723.943.636)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		39.364.923	61.183.093
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.684.578.713)	61.183.093
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(919.930.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(919.930.000)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		20.884.219.137	(8.227.412.605)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		9.108.572.131	17.335.984.736
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	29.992.791.268	9.108.572.131

Người lập biểu



BÙI THỊ HẠNH

Kế toán trưởng

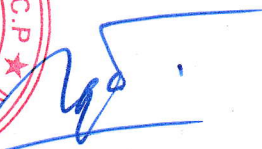


VÕ NGỌC ẢNH



Pleiku, ngày 20 tháng 02 năm 2018

Giám Đốc



NGUYỄN VĂN NGÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Gia Lai (sau đây gọi là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Gia Lai là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: sản xuất, kinh doanh dịch vụ,...

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Thu gom rác thải không độc hại;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác: chi tiết: Vệ sinh đường phố, công trình công cộng;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề;
- Hoạt động dịch vụ tang lễ;
- Sản xuất sản phẩm bằng kim loại chưa được phân vào đâu: chi tiết: Cơ khí sửa chữa ô tô;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng kim loại: chi tiết: đóng cộ thùng, cửa thu nước, khung lan can;
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: chi tiết: lắp đặt hệ thống thoát nước;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: chi tiết: Duy tu, sửa chữa, mở rộng, nâng cấp các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị (Vĩa hè, nền mặt đường, công viên, cây xanh, điện chiếu sáng công cộng, công trình giao thông, dân dụng, vệ sinh môi trường, nghĩa trang);
- Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: chi tiết: Mua bán dụng cụ, thiết bị vệ sinh đô thị, chế biến xử lý rác, các sản phẩm chế biến từ rác);
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Lắp đặt hệ thống điện: chi tiết: Lắp đặt, vận hành, bảo trì, sửa chữa điện chiếu sáng công cộng, điện dân dụng, điện trang trí;
- Trồng rau, đậu và trồng hoa, cây cảnh: chi tiết: Dịch vụ chăm sóc, cải tạo cây xanh, thảm cỏ, hoa viên, công viên, uơm trồng, cung cấp giống hoa, cây xanh, cây cảnh;
- Thoát nước và xử lý nước thải;

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GIA LAI

Số 38 Trần Khánh Dư, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: chi tiết: Dịch vụ bãi đỗ xe;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh: chi tiết: Sản xuất chế phẩm xử lý rác thải;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có sự kiện về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi qui mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có pháp nhân hạch toán phụ thuộc bao gồm:

STT	Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Công Trình Đô Thị Gia Lai - Xí Nghiệp Môi Trường Đô Thị	Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Ia Kring, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
2	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Công Trình Đô Thị Gia Lai - Xí nghiệp Giao thông thoát nước đô thị	Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Ia Kring, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
3	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Công Trình Đô Thị Gia Lai - Xí nghiệp Công viên - Cây xanh	Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Ia Kring, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 442 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 467 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

Số 38 Trần Khánh Dư, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

317
NI
G T
AN
A
T
A
AU

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GIA LAI

Số 38 Trần Khánh Dư, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Năm 2017</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 10 năm
Máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 10 năm
Tài sản cố định khác	3 – 8 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GIA LAI

Số 38 Trần Khánh Dư, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

8. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

9. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ công ích & hợp đồng xây dựng

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

TH
NH
UV
TĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GIA LAI

Số 38 Trần Khánh Dư, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

11. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm và chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

12. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GIA LAI

Số 38 Trần Khánh Dư, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

15. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

031
C
CÔ
EM
CH
/C

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GIA LAI

Số 38 Trần Khánh Dư, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng đội thi công	4.169.204.576	-	8.231.239.009	-
BHXH, BHYT, BHTN	201.630.045	-	180.677.385	-
Phải thu các đối tượng khác	30.000.000	-	30.000.000	-
Cộng	4.400.834.621	-	8.441.916.394	-

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.552.491.396	-	1.672.017.932	-
Chi phí SXKD dở dang	206.727.552	-	244.300.807	-
Cộng	1.759.218.948	-	1.916.318.739	-

6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xe, máy	173.275.215	137.397.632
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	115.080.000	713.132.060
Cộng	288.355.215	850.529.692

6b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi thế kinh doanh	600.799.124	1.001.331.877
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	750.537.599	547.015.492
Cộng	1.351.336.723	1.548.347.369

281
HIN
NG
OẠI
UẢ
ĐÀ
TÀI

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GIA LAI

Số 38 Trần Khánh Du, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	4.833.383.360	2.032.857.262	15.652.692.303	320.750.000	22.839.682.925
Mua sắm trong năm	-	607.761.818	3.310.272.728	-	3.918.034.546
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	4.833.383.360	2.640.619.080	18.962.965.031	320.750.000	26.757.717.471
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	3.751.156.303	1.596.704.166	6.051.588.169	292.958.338	11.692.406.976
Khấu hao trong năm	586.227.228	215.757.288	1.564.922.998	27.791.662	2.394.699.176
T/ly, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	4.337.383.531	1.812.461.454	7.616.511.167	320.750.000	14.087.106.152
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.082.227.057	436.153.096	9.601.104.134	27.791.662	11.147.275.949
Số cuối năm	495.999.829	828.157.626	11.346.453.864	-	12.670.611.319

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.351.393.688 đồng
- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 0 đồng.

8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các người bán khác	194.090.909	202.700.000
- Công ty TNHH Khang Minh	164.090.909	-
- Công ty TNHH Tuấn Minh Khang	30.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Nhật Bích	-	172.700.000
- Công ty TNHH kiểm toán AFA	-	30.000.000
Cộng	194.090.909	202.700.000

15-1
HÁI
TỶ T
VÀ
N
IAI
NÀI
T.T.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GIA LAI

Số 38 Trần Khánh Dư, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm		Số cuối năm
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.010.614.543	2.574.897.597	2.331.658.692	1.253.853.448
Thuế thu nhập doanh nghiệp	210.477.996	915.781.493	366.333.644	759.925.845
Thuế thu nhập cá nhân	-	32.324.682	25.497.752	6.826.930
Tiền thuê đất	-	199.904.376	199.904.376	-
Cộng	1.221.092.539	3.722.908.148	2.923.394.464	2.020.606.223

Thuế giá trị gia tăng

- Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với dịch vụ xây lắp là 10%. Các dịch vụ khác áp dụng theo thuế suất hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	Năm nay	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.469.757.488	1.538.169.960
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán	109.149.975	19.800.000
- Các khoản điều chỉnh tăng	109.149.975	19.800.000
+ Thù lao HDQT, BKS không chuyên trách	39.600.000	19.800.000
+ Các khoản phạt vi phạm hành chính	69.549.975	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	4.578.907.463	1.557.969.960
Thu nhập tính thuế	4.578.907.463	1.557.969.960
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	915.781.493	311.593.992

Các loại thuế khác

- Công ty kê khai và nộp theo qui định.

10. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	3.038.473.582	2.349.156.771
Thù lao hội đồng quản trị & ban kiểm soát	36.720.000	48.280.000
Cộng	3.075.193.582	2.397.436.771

11/11/2017
TH/ NH/ TUV/ VII/ 16/10/

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GIA LAI

Số 38 Trần Khánh Dư, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thi công công trình chưa tập hợp đủ hồ sơ	8.690.286.973	8.947.837.683
- Các công trình kiến thiết thị chính	7.558.597.978	5.173.254.206
- Các công trình khác	1.131.688.995	3.774.583.477
Chi phí phải trả khác	988.138.004	895.448.461
Cộng	<u>9.678.424.977</u>	<u>9.843.286.144</u>

12. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đối tượng và cá nhân khác</i>	<i>17.046.118.389</i>	<i>1.803.160.349</i>
- Phải trả đội thi công	9.923.295	378.616.075
- Phải trả về cổ phần hóa	16.952.323.259	1.291.206.926
- Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.569.300	-
- Phải trả khác	81.302.535	133.337.348
Cộng	<u>17.046.118.389</u>	<u>1.803.160.349</u>

13. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng bảo hành công trình	346.465.791	542.242.700
Cộng	<u>346.465.791</u>	<u>542.242.700</u>

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	694.504.239	183.918.370	51.820.000	1.141.519.370	(211.276.761)
Cộng	<u>694.504.239</u>	<u>183.918.370</u>	<u>51.820.000</u>	<u>1.141.519.370</u>	<u>(211.276.761)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GIA LAI

Số 38 Trần Khánh Dư, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Vốn chủ sở hữu****15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>LNST chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số tại 01/07/2016	23.000.000.000	-	-	23.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.226.575.968	1.226.575.968
Tăng từ lợi nhuận	-	-	-	-
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	<u>23.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>1.226.575.968</u>	<u>24.226.575.968</u>
Số dư tại 01/01/2017	23.000.000.000	-	1.226.575.968	24.226.575.968
Lợi nhuận trong năm	-	-	3.553.975.995	3.553.975.995
Trả cổ tức trong năm	-	-	(919.930.000)	(919.930.000)
Trích lập quỹ khen thưởng - phúc lợi	-	-	(183.918.370)	(183.918.370)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	122.657.597	(122.657.597)	-
Số dư tại 31/12/2017	<u>23.000.000.000</u>	<u>122.657.597</u>	<u>3.554.045.995</u>	<u>26.676.703.592</u>

15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bà Nguyễn Thị Sen	41,40%	9.522.160.000	-
Ông Lưu Chí Hòa	33,27%	7.653.000.000	-
Công ty CP KD & PT miền núi Gia Lai	15,00%	3.450.000.000	3.450.000.000
Các cổ đông khác	10,33%	2.374.840.000	7.820.000.000
UBND tỉnh Gia Lai	0,00%	-	11.730.000.000
Cộng	<u>100%</u>	<u>23.000.000.000</u>	<u>23.000.000.000</u>

15c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	23.000.000.000	23.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	23.000.000.000	23.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(919.930.000)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GIA LAI

Số 38 Trần Khánh Dư, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.300.000	2.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.300.000	2.300.000
- Cổ phiếu thường	2.300.000	2.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.300.000	2.300.000
- Cổ phiếu thường	2.300.000	2.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

15e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	1.226.575.968	-
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp trong năm	3.553.975.995	1.226.575.968
Phân phối lợi nhuận năm nay	1.226.505.968	-
- Quỹ đầu tư phát triển	122.657.597	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	183.918.370	-
- Chia cổ tức	919.930.000	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.554.045.995	1.226.575.968

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	96.177.036.743	49.248.066.127
- Doanh thu dịch vụ công ích đô thị	76.469.550.381	37.403.659.761
- Doanh thu xây lắp	19.707.486.362	11.844.406.366
Cộng	96.177.036.743	49.248.066.127

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GIA LAI

Số 38 Trần Khánh Dư, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**1b. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	87.095.455	12.675.455
- Giảm giá công trình	87.095.455	12.675.455
Cộng	87.095.455	12.675.455

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016</u>
Giá vốn hàng bán	86.347.313.548	45.188.947.162
- Giá vốn dịch vụ công ích	68.183.426.292	33.817.950.853
- Giá vốn xây lắp	18.163.887.256	11.370.996.309
Cộng	86.347.313.548	45.188.947.162

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	39.364.923	61.183.093
Cộng	39.364.923	61.183.093

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016</u>
Chi phí nhân viên quản lý	3.543.104.312	1.614.785.198
Chi phí khấu hao tài sản cố định	236.919.011	137.642.436
Chi phí công cụ, dụng cụ	566.880.685	340.590.694
Chi phí khác	919.823.479	505.803.725
Cộng	5.266.727.487	2.598.822.053

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016</u>
Thu tiền điện nước	20.617.655	-
Thu tiền sử dụng vượt định mức của các đội, xí nghiệp	14.336.512	17.587.376
Các khoản khác	199.587	11.778.034
Cộng	35.153.754	29.365.410

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GIA LAI

Số 38 Trần Khánh Dư, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí khác**

	Năm nay	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016
Tiền phạt vi phạm hành chính	69.984.981	-
Chi phí khác	10.676.461	-
Cộng	80.661.442	-

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.553.975.995	1.226.575.968
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(533.096.399)	(183.918.370)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	(533.096.399)	(183.918.370)
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(533.096.399)	(183.918.370)
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	3.020.879.596	1.042.657.598
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	2.300.000	2.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	1.313	453

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi tạm trích theo Điều lệ Công ty và sẽ điều chỉnh chính thức khi có Nghị quyết Đại hội cổ đông.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	2.300.000	2.300.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.300.000	2.300.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GIA LAI

Số 38 Trần Khánh Dư, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.020.879.596	1.042.657.598
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.020.879.596	1.042.657.598
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.300.000	2.300.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.313	453

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.481.367.318	18.085.487.818
Chi phí nhân công	39.308.790.705	21.397.060.949
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.394.699.176	1.335.018.068
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.403.569.306	2.261.414.749
Chi phí khác bằng tiền	3.160.268.387	4.953.088.438
Cộng	81.748.694.892	48.032.070.022

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của Thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016
Thù lao Hội đồng Quản trị	407.137.500	201.300.000
Thu nhập của Ban Giám đốc	732.381.250	346.284.304
Thu nhập của Ban Kiểm soát	239.760.000	71.400.000
Cộng	1.379.278.750	618.984.304

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GIA LAI

Số 38 Trần Khánh Dư, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b. Giao dịch và số dư với bên liên quan khác

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Miền núi Gia Lai	Có cùng cổ đông chính
Giao dịch với các bên liên quan	
	Năm nay Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016
Cung cấp dịch vụ	
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Miền núi Gia Lai	85.250.000 -
Số dư với các bên liên quan	
	Số cuối năm Số đầu năm
Phải thu khách hàng	
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Miền núi Gia Lai	85.250.000 -

2. Báo cáo bộ phận

- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh	Cung cấp dịch vụ công ích		Hoạt động xây lắp		Tổng cộng	
	Năm 2017	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016	Năm 2017	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016	Năm 2017	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016
Doanh thu thuần bộ phận	76.469.550.381	37.403.659.761	19.620.390.907	11.831.730.911	96.089.941.288	49.235.390.672
Giá vốn bộ phận	68.183.426.292	33.817.950.853	18.163.887.256	11.370.996.309	86.347.313.548	45.188.947.162
Lãi hoạt động kinh doanh	8.286.124.089	3.585.708.908	1.456.503.651	460.734.602	9.742.627.740	4.046.443.510

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Công ty chủ yếu được thực hiện tại Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính đầu tiên sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFA.

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GIA LAI

Số 38 Trần Khánh Dư, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



BÙI THỊ HẠNH

Người lập biểu



VÕ NGỌC ÁNH

Kế toán trưởng



Pleiku, ngày 20 tháng 02 năm 2018



NGUYỄN VĂN NGÀ

Giám đốc

